

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tiến Thành

2. Bà Tăng Thị Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện B, Quảng Ninh, (*Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Trung T**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: khu 14, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

Tạm trú: Thôn C, xã H, huyện B, Quảng Ninh, (*Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày: Chị và anh Đoàn Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống từ năm 2018 vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh T chời bời, quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Chị L và gia đình bên nội, ngoại đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị L và anh T đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Chị L xác nhận tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, nên chị L đề nghị Tòa

án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Trung T.

Về con chung: Chị L xác nhận có 02 con chung với anh Đoàn Trung T là: Đoàn Bảo T, sinh ngày 18/11/2018 và Đoàn Bảo N, sinh ngày 17/7/2021, hiện con chung Đoàn Bảo T đang ở cùng bà nội ở thị xã Q, còn cháu Đoàn Bảo N còn nhỏ đang ở với chị tại xã H, huyện B. Nguyên vọng của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Công việc hiện nay của Chị L là chủ cửa hàng quán ăn uống tại thôn Cửa Khẩu, xã Hoàn Mô, thu nhập ổn định mỗi tháng từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ, đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Trung T trong quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không có mặt tại phiên họp và hòa giải để trình bày quan điểm của mình.

Qua xác minh ở nơi cư trú tại Thôn C, xã H, huyện B và tại khu 14, phường H, thị xã Q thì chị L và anh T hiện tại đã sống ly thân nhau, anh T đi làm ăn xa và vợ chồng cũng không qua lại, quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, vì không qua hòa giải cơ sở vì vậy chính quyền địa phương cũng không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn, chính quyền cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của các đương sự.

Ngày 07/5/2022, anh T đã nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn, anh T có quan điểm đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L; Về con chung anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Đoàn Bảo T, sinh ngày 18/11/2018 và chị L trực tiếp nuôi con chung Đoàn Bảo N, sinh ngày 17/7/2021, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên Tòa hôm nay, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và các nội dung tại các bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu có quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị L và giao con chung Đoàn Bảo T, Đoàn Bảo N cho chị L nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, chị Nông Thị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thẩm quyền giải quyết, bị đơn anh Đoàn Trung T có địa chỉ tạm trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nông Thị L và bị đơn anh Đoàn Trung T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt chị L và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị L và anh Đoàn Trung T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do bất đồng về quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, có những mối quan hệ tình cảm phức tạp bên ngoài. Chị L và gia đình bên ngoài đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị L yêu cầu ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ, chồng đoàn tụ. Ngoài ra, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L. Như vậy, việc chị Nông Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Đoàn Trung T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Đoàn Bảo T sinh ngày 18/11/2018; Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Đoàn Bảo T và Đoàn Bảo N cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng của anh T là chính đáng, tuy nhiên anh T hiện tại đang đi làm ăn xa, công việc và chỗ ở không ổn định, nếu giao con chung cho anh T nuôi dưỡng không đảm bảo phát triển về thể chất và tinh thần cho con chung. Chị L có chỗ ở ổn định, kinh doanh cửa hàng ăn uống thu nhập là 20.000.000đ - 30.000.000/tháng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì vậy việc giao các con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1, 3 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Nông Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị L được ly hôn với anh Đoàn Trung T.

2. Về con chung: giao con chung là Đoàn Bảo T, sinh ngày 18/11/2018 và Đoàn Bảo N, sinh ngày 17/7/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: chị Nông Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0014015 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu; Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Ngọc Hải